PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android,** công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 19/2021

(11/05/2021 – 17/05/2021)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Sau một tuần im lặng thì tuần này, thị trường mua bán tàu hàng khô bùng nổ, lập kỷ lục với hơn 40 tàu ghi nhận mua bán thành công, trải đều hết tất cả phân khúc. Ở phân khúc handyzie ghi nhận 14 giao dịch tuần này. Chủ tàu Nhật ghi nhận bán tàu *Loveland Island* (28.316 dwt đóng 2010 Nhật DD 11/2023 SS 10/2025, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) với giá 9 triệu đô la Mỹ và tàu chị em *Crystal Island* trẻ hơn 1 tuổi với giá 9,5 triệu đô la Mỹ vào tháng 4 vừa qua. Tàu *Triades* (28.496 dwt, đóng 2005 Nhật, qua đà đặc biệt 7/2020 và đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) được chủ tàu Hy Lạp bán 8,2 triệu đô la Mỹ cũng trong tuần này, một mức giá rất cao, có thể có nguyên nhân hỗ trợ khác hay tạo mốc tham chiếu mới thì chờ xem thêm tàu bán sắp tới. Khả năng giá tàu tiếp tục đi ngang hoặc tăng nhẹ khi nhiều người Mua đã mua tàu và không còn tâm lý chờ đợi giảm giá nữa và do đó cạnh tranh sẽ nhiều hơn, đẩy giá lên cao hơn.

Ở phân khúc tàu bách hóa, ghi nhận tàu *Beagle VII* (16.822 dwt, đóng 2007 Nhật) được chủ tàu Đài Loan bán với giá khoảng 5,85 triệu đô la Mỹ và người mua Việt Nam mua tàu *Arikun* (8.763 dwt, đóng 2007 Việt Nam), giá bán chưa được tiết lộ

Ở mảng tàu dầu, tuần qua thị trường khá sôi động với ghi nhận 20 tàu mua bán thành công. Các tàu đã bán tập trung chủ yếu ở phân khúc tàu lớn VLCC, Suezmax, Aframax, đặc biệt size tàu Aframax ~110k dwt chiếm một hơn nửa số liệu. Tuần qua tàu *Champion Istra* (52.614 dwt, đóng 2012 Trung Quốc) được chủ tàu Na Uy bán cho người Mua đồng hương với giá chưa tiết lộ. Được biết, tàu bán theo hình thức người thuê tàu chọn mua lại tàu sau khi kết thúc thời gian thuê. Nhìn chung thị trường bắt đầu khả quan, giá bán tàu cũng tốt hơn một chút nhất là ở cỡ tàu từ 100k dwt trở lên, còn tàu cỡ 50k dwt trở xuống chưa biến động nhiều.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
			BULKERS			
Tiger Shandong	2011	China	180,091	23.31	Chinese	Auction sale, BWTS/DD/SS due 05/2021
Spring Aeolian	2012	Japan	83,478	21.30	Greek, Costamare	BWTS fitted
Pedhoulas Builder	2012	China	81,541	22.00		Scrubber fitted
Pedhoulas Farmer	2012	China	81,541	22.00		Scrubber fitted
Tangerine Island	2012	Japan	82,265	20.90	Newport	SS 01/2022
Jaigarh	2010	Japan	82,166	19.00	Undisclosed	BWTS fitted, dely at end 2021, SS 09/2025

Countess I	2013	China	79,235	18.80	Chinese	Tier II, DD due 08/2021
Wisdom Diva	2009	Japan	76,606	17.00	Greek, Apollonia Lines	BWTS fitted
S'Hail Al Mayfar	1999	Japan	75,522	6.90	Chinese	
Rosalia D'Amato	2001	China	74,716	5.50	Chinese	Report at damaged condition, DD due 04/2022
GH Seabird	2016	China	63,553	21.50	Greek, Costamare	Old sale
Pacific Hero	2012	Japan	58,677	18.25	HK-based, Taylor Maritime	BWTS fitted, DD 01/2023, SS 01/2025
Legacy	2011	China	57,045	22.00	Changzhou Changhai Logistics	DDSS 09/2022
Olympic	2012	China	57,034	22.00		DD/SS 09/2021
Indigo Traveller	2011	Japan	55,596	15.75	Undisclosed	DD 07/2022, SS 07/2024
Darya Lakshmi	2009	Japan	55,469	14.25	Undisclosed	DD due 10/2022, SS 07/2024
Zoe S	2002	Japan	53,054	8.75	Undisclosed	DD/SS 11/2022
Tai Hawk	2004	Japan	52,686	10.50	Undisclosed	DD 04/2022, SS 12/2024
Clipper Endeavour	2004	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,483	9.75	Undisclosed	DD 10/2021, SS 01/2024
Great Praise	2006	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,424	11.80	Chinese	BWTS fitted, DD/SS due 05/2021
Great Legend	2006	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,424	11.80		BWTS fitted, DD/SS due 08/2021
C. S. Dream	2010	Japan	50,780	13.80	Turkish, Densay Shipping	BWTS fitted, OHBS
Fushun	1997	Japan	48,224	6.50	Undisclosed	DD/SS 01/2024
Xing Zun Hai	2016	China	38,947	64.00	Hamburg Bulk Carriers	BWTS fitted, *Xing Zun Hai* (DD 10/2023, SS 10/2025), *Xing Rong Hai* (DD 11/2023, SS 11/2025), *Xing Yi Hai* (DD 12/2023, SS 01/2026), *Xing Ru Hai* (DD 12/2023, SS 01/2026), Chinese owner
Xing Rong Hai	2016	China	38,947			
Xing Yi Hai	2015	China	38,898			
Xing Ru Hai	2015	China	38,898			
Basic Rainbow	2011	Japan	38,468	14.50	HK-based, Taylor Maritime	DD/SS due 05/2021
Nordrubicon	2016	China	37,985	18.28	HK-based, Taylor Maritime	*Nordrubicon* (DD/SS passed 01/2021), *Nordcolorado* (DD/SS 08/2021), Germany owner
Nordcolorado	2016	China	37,976	18.05		
Ultra Calbuco	2017	Japan	37,981	45.00	Undisclosed	DD/SS 02/2022
Ultra Osorno	2018	Japan	37,981			DD/SS 03/2023
Four Emerald	2013	Vietnam	33,992	20.00	Undisclosed	DD/SS 04/2023
Four Diamond	2013	Vietnam	33,992			DD/SS due 08/2021
Lady C	2011	China	32,790	9.50	Chinese	DD/SS due 09/2021, Greek owner
Fortune Bay	2011	Japan	29,092	9.50	Undisclosed	DD due 09/2021, SS due 11/2021
Triades	2005	Japan	28,496	8.20	Undisclosed	BWTS fitted, DD 07/2023, SS 09/2025
Mir	1990	Japan	28,493	2.02	Chinese	Auction sale, disclassed (BV)
Atlantic Diana	2009	Japan	28,419	Undisclosed	Undisclosed	DD 03/2022, SS 05/2024
Leap Heart	2012	Japan	28,383	10.00	HK-based, Taylor Maritime	Single decker, Cr 4x30.5T, DD 12/2023, SS 01/2026

Loveland Island	2010	Japan	28,316	9.00	Undisclosed	Old sale in 04/2021, BWTS fitted, DD 12/2023, SS 10/2025
Crystal Island	2011	Japan	28,228	9.50		Old sale in 04/2021, BWTS fitted, DD 11/2023, SS 12/2025,
Beagle VII	2007	Japan	16,822	5.85	Undisclosed	Single decker, Cr 3x30.7T, DD/SS 07/2022
Arikun	2007	Vietnam	8,763	Undisclosed	Vietnamese	Single decker, Dr 4x30T, DD/SS 06/2022
Sinar Kudus	1999	Japan	8,911	Undisclosed	Indonesian	Tween decker, Cr 2x30T (combinable) + Dr 1x25T, SS 02/2024, DD 04/2022
			TANKERS			
Jiu Hua San	2009	Korea	317,977	37.00	Undisclosed	Auction sale, SS 11/2024
New Century	2004	Japan	299,031	31.00	Undisclosed	BWTS fitted
Starlight Venture	2004	Korea	291,768	30.60	Taiwanese, U-Ming Marine Transport Corp	
Smiti	2005	Japan	281,396	32.00	Chinese	BWTS & Scrubber fitted, M/E Sulzer
SCF Ural	2002	Korea	159,314	16.00	Edge Maritime	
SCF Caucasus	2002	Korea	159,173	16.00		
Nissos Schinoussa	2015	Korea	114,445	120.80	Danish, Torm	BWTS & Scrubber fitted, M/E Wartsila
Nissos Therasia	2015	Korea	114,322			
Nissos Heraclae	2015	Korea	114,270			
Emerald Spirit	2009	China	109,060	129.00	Teekay Tankers	Declaration of purchase option
Garibaldi Spirit	2009	China	109,039			
Whistler Spirit	2010	China	109,011			
Blackcomb Spirit	2010	China	108,914			
Tarbet Spirit	2009	China	107,529			
Peak Spirit	2011	China	104,621			
Ocean Crown	2007	China	108,943	15.30	Vietnamese	Auction sale, DD/SS 07/2022
Ocean Taipan	2008	Korea	108,936	17.00	Undisclosed	Epoxy coated, DD 06/2021, SS 05/2023
Champion Istra	2012	China	52,610	Undisclosed	Norwegian	Declaration of purchase option, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, M/E Wartsila, DD/SS 08/2022, Norwwegian owners
Susanne Theresa	2006	Turkey	3,464	2.60	Undisclosed	Incl BBB,chemical IMO II, siloxirane coated, *Susanne Theresa* (M/E MaK, DD/SS freshly passed 05/2021), *Sofie Theresa* (DD due 07/2021, SS 07/2023)
Sofie Theresa	2004	Turkey	3,418	3.50		
			CONTAINER			
Yangtze Shanghai	2020	China	63,866	Undisclosed	SFL Corp	5300 teu

St Green	2011	Japan	33,417	22.25	Korean, Sinokor	2535 teu, DD 11/2023, SS 11/2025
Kanway Galaxy	1997	Japan	24,386	6.25	Chinese	Cranes removed, DD/SS 10/2022
Lantau Ace	2001	Korea	15,315	6.00	Undisclosed	1216 teu, M/E Sulzer, fully cellular, gearless, DD/SS over due 04/2021
Lantau Arrow	2001	Korea	14,901	6.00		1216 teu, M/E Sulzer, fully cellular, gearless, DD/SS due 09/2021
HSL Aqua	2009	Japan	15,204	9.00	Japanese, StarOcean Marine	1060 teu, fully cellular, gearless, DD 10/2022, SS 10/2024

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 14/05	Ngày 09/04	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	54.00	53.00	1.9	34.5	46.7	54.0
180k dwt	5 tuổi	40.00	39.00	2.6	23.0	30.3	40.0
170k dwt	10 tuổi	28.50	27.75	2.7	12.0	21.1	28.5
150k dwt	15 tuổi	18.50	18.00	2.8	6.5	13.0	18.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	33.00	32.50	1.5	22.5	29.1	33.0
82k dwt	5 tuổi	28.00	27.50	1.8	11.5	21.1	28.0
76k dwt	10 tuổi	20.00	20.00	0.0	7.3	13.2	20.0
74k dwt	15 tuổi	14.50	13.50	7.4	3.5	8.5	14.5
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	31.00	30.00	3.3	19.0	26.4	31.0
58k dwt	5 tuổi	22.50	21.00	7.1	11.0	16.4	22.5
56k dwt	10 tuổi	16.50	15.00	10.0	6.0	11.8	16.5
52k dwt	15 tuổi	11.75	10.50	11.9	3.5	7.7	11.8
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	27.00	25.50	5.9	17.0	21.7	27.0
37k dwt	5 tuổi	20.50	19.75	3.8	7.8	14.4	20.5
32k dwt	10 tuổi	13.00	12.00	8.3	6.0	9.2	13.0
28k dwt	15 tuổi	7.25	7.25	0.0	3.5	5.6	7.3

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 14/05	Ngày 09/04	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	96.00	95.00	1.1	82.0	91.0	106.0
310k dwt	5 tuổi	70.00	70.00	0.7	60.0	67.9	83.0
250k dwt	10 tuổi	48.50	47.00	3.2	38.0	45.6	58.0
250k dwt	15 tuổi	34.50	33.00	4.5	21.5	29.7	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	65.50	63.00	4.0	54.0	62.0	72.0
150k dwt	5 tuổi	47.50	46.00	3.3	40.0	46.9	62.0
150k dwt	10 tuổi	32.50	31.00	4.8	25.0	32.0	44.5
150k dwt	15 tuổi	18.75	17.50	7.1	16.0	19.5	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	54.50	50.00	9.0	43.5	49.0	56.0
110k dwt	5 tuổi	40.50	38.00	6.6	29.5	35.1	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.50	24.50	8.2	18.0	23.3	32.5
105k dwt	15 tuổi	16.50	15.50	6.5	11.0	14.2	21.0
MR							
52k dwt	Resale	38.50	37.00	4.1	33.0	36.4	40.0
52k dwt	5 tuổi	28.00	28.00	0.0	23.0	26.8	31.0
45k dwt	10 tuổi	19.00	19.00	0.0	14.5	17.8	21.0
45k dwt	15 tuổi	12.50	12.50	0.0	9.0	10.8	13.0

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	40,000 dwt	Undisclosed	4	Yangfan	Vogemann, Hamburg	SH 2022	
Bulker	40,000 dwt	Undisclosed	2	Yangzijiang	Vogemann, Hamburg	Q1 2023	
Container	2,700 teu	32.00	2	Huangpu Wenchong	Green World, Cyprus	2023	Price per unit
Container	1,900 teu	26.00	2	Huangpu Wenchong	Green World, Cyprus	2023	Price per unit
LNG	8,000 cbm	45.00	1+1	CIMC Sinopacific	Fratelli Cosulich	2023	Price per unit, 10% cost is to be subsidized by the EU, M/E Wartsila
LPG	5,000 cbm	30.00	2	Huangpu Wenchong	Tianjin Southwest	2023	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 14/05	Ngày 09/04	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	55.5	52.0	6.7	41.8	47.5	55.5
K.sarmax (82.000 dwt)	32.0	32.0	0.0	24.3	28.9	34.0
P.max (77.000 dwt)	29.5	29.5	0.0	23.8	28.0	33.0
Ultramax (64.000 dwt)	28.5	28.5	0.0	22.3	26.9	32.0
Handysize (37.000 dwt)	25.0	25.0	0.0	19.5	23.2	26.0
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	82.5	82.5	0.0	82.5	82.9	88.0
P.max (5.200 teu)	48.5	48.5	0.0	48.0	49.1	56.0
Sub P.max (2.5000 teu)	27.0	27.0	0.0	26.0	27.2	29.5
Feeder (1.700 teu)	21.5	21.5	0.0	21.5	22.0	25.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 14/05	Ngày 09/04	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	94.0	91.5	2.7	80.0	88.3	94.0
S.max (170.000 dwt)	63.0	61.5	2.4	53.0	58.5	63.0
A.max (115.000 dwt)	50.5	50.5	0.0	43.0	48.0	52.0
LR1 (75.000 dwt)	47.0	47.0	0.0	42.0	45.5	48.5
MR (56.000 dwt)	35.5	35.5	0.0	32.5	34.9	36.5
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	185.5	185.5	0.0	184.0	188.0	199.0
LPG LGC (80k cbm)	70.0	70.0	0.0	70.0	70.8	77.0
LPG MGC (55k cbm)	62.0	62.0	0.0	62.0	62.7	67.5
LPG SGC (25k cbm)	40.0	40.0	0.0	40.0	40.6	45.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 19/2021 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 19	TUẦN 18	Mức thấp nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 19)	Mức cao nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 19)
TRANSATLANTIC RV	23,650	18,885	16,608	25,050
TCT CONT/F.EAST	37,441	32,859	23,777	37,441
TCT F.EAST/CONT	15,475	12,486	4,471	15,475
TCT F.EAST RV	29,567	25,949	12,476	29,838
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	18,315	18,155	16,333	27,133
PACIFIC RV	28,071	26,986	9,408	28,071
TCT CONT/F.EAST	28,646	29,536	18,711	34,039

GIÁ THUÊ T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 17/05/2021

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	25,412	▲	1,033
SMALL HANDY (38BC)	23,011	▲	1,353
SMALL HANDY (28BC)	21,045	▲	1,353

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước (10/04/2021))

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

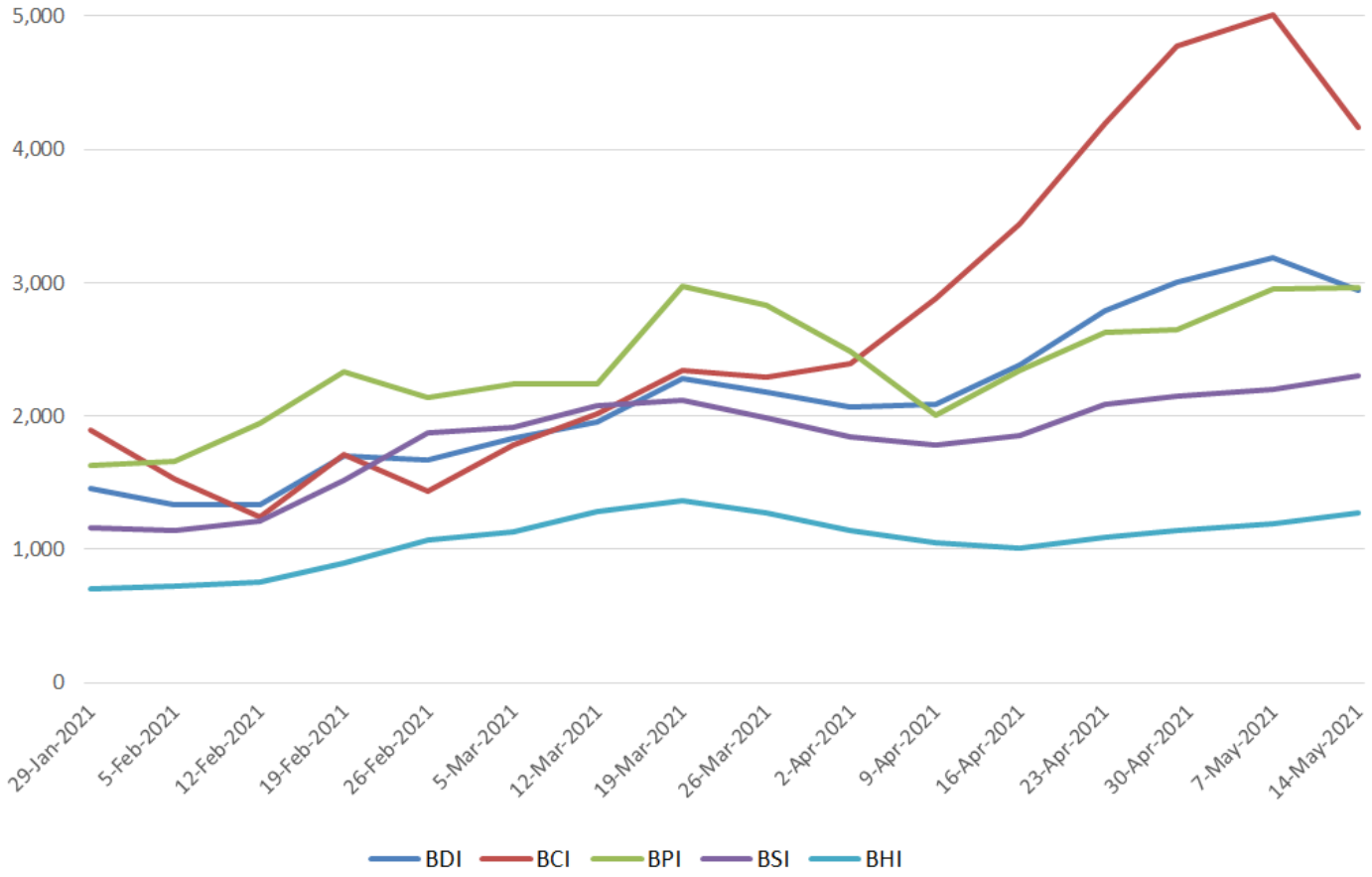

3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Ở mảng thuê tàu dầu, ghi nhận Equinor chốt tàu *Elandra Elbrus* (299.999 dwt, đóng 2020) khai thác 1 năm với giá 33.500 đô la Mỹ. Stenabulk chốt tàu *Crude Levante* (158.000 dwt, đóng 2021) khai thác 2 năm giá 25.000 đô la Mỹ. Signal Maritime chốt tàu *Glifa* (109.229 dwt, đóng 2005) khai thác 1 năm với giá 17.000 đô la Mỹ. Clearlake chốt tàu *Nave Atropos* (74.695 dwt, đóng 2013) khai thác 1 năm với giá 15.000 đô la Mỹ. Và Vitol chốt tàu *Maersk Cancun* (49.919 dwt, đóng 2013) khai thác 2 năm giá 15.600 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 19			Giá thuê tàu định hạn tuần 18		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	28,000	27,250	33,500	28,000	27,000	33,500
SUEZMAX	18,000	22,000	25,250	18,000	22,000	25,000
AFRAMAX	17,000	19,750	22,500	17,250	20,000	22,500
LR-2	17,500	21,000	23,000	17,500	21,500	22,750
LR-1	14,750	16,250	17,000	14,750	16,250	17,000
MR	13,250	13,750	16,000	13,500	14,000	15,750
HANDY	11,000	13,000	14,250	10,750	13,000	14,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

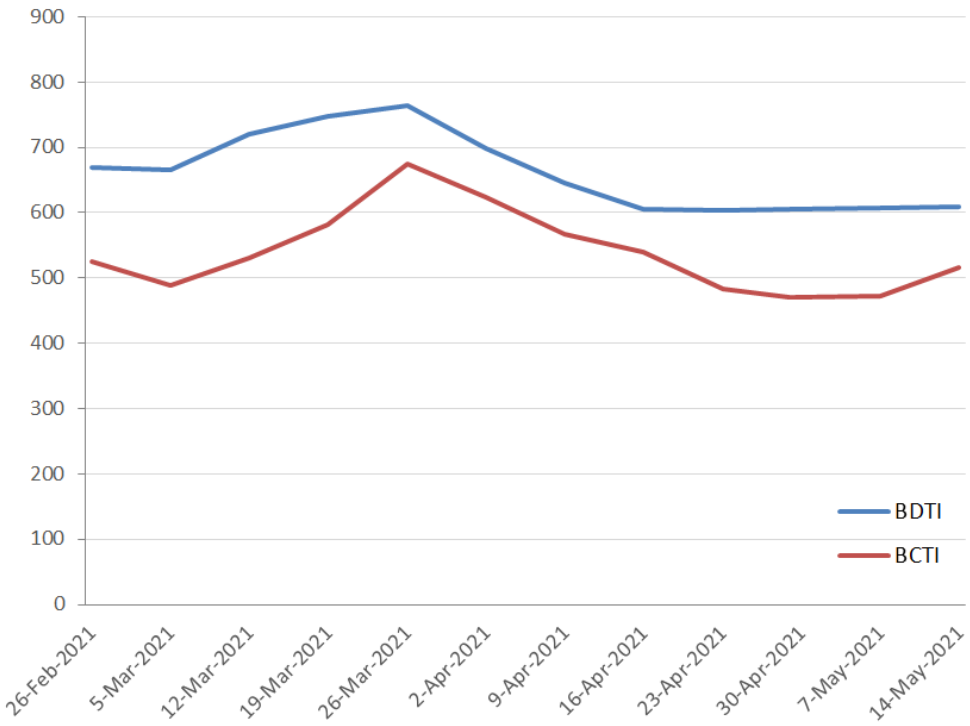

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu		
		US$	▼/▲		US$	▼/▲	
1	Bangladesh	540	▲	30	550	▲	30
2	Pakistan	530	▲	30	540	▲	30
3	India	500	▲	10	510	▲	10
4	Turkey	280	▲	10	290	▲	10

(đơn vị tính: usd/lt ldt, 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 19/2021

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt)	Dwt	Comments
Azov Sea	Tanker	1998	9,641	India	-	47,363	HKC green recycling
Sakura II	Tanker	1998	5,430	India	-	18,503	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.